

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày: 28-12-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Nở

Bà Giàng Thị Hoa

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Cường -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2023/TLST - HS ngày 16 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn L; Sinh năm 1980 tại thành phố Hà Nội; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn T, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H (đã chết) và bà Lê Thị K (đã chết); Vợ: Đào Thị H, sinh năm 1985; Con: Có 01 con sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/5/2016 và ngày 14/8/2020, bị cáo bị Công an huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính là phạt tiền về hành vi “Đánh bạc”, hiện đã được xóa tiền sự. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/3/2023, tạm giam từ ngày 29/3/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến nay (Có mặt).

2. Hà Văn C; Sinh năm 1980 tại thành phố Hà Nội; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu phố 3, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Cán bộ điện lực huyện S, tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn T (đã chết) và bà Vũ Thị H, sinh năm 1952; Vợ: Đặng Thị T, sinh năm 1981; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2023, tạm giam từ ngày 29/3/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến nay (Có mặt).

3. Trần Thị S; Sinh năm 1975 tại thành phố Hà Nội; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn B, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động

tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Ngọc P, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị M (đã chết); Chồng: Trần Văn H, sinh năm 1975; Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/3/2023, tạm giam từ ngày 30/3/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến nay (Có mặt).

4. Phí Văn C; Sinh năm 1976 tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu phố 3, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Chánh thanh tra huyện S, tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị khai trừ ra khỏi đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phí Hương D, sinh năm 1937 và bà Phí Thị L, sinh năm 1939; Vợ: Lò Thị Đ, sinh năm 1974; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2023, tạm giam từ ngày 29/3/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến nay (Có mặt).

5. Nguyễn Trung T; Sinh năm 1988 tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKHKTT: Bản C, xã K, huyện P, tỉnh Lai Châu; Nơi tạm trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu phố 3, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thanh H (đã chết) và bà Phạm Thị M, sinh năm 1960; Vợ: Vàng Thị T, sinh năm 1990; Con: Có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2023, tạm giam từ ngày 29/3/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến nay (Có mặt).

6. Vũ Hữu H; Sinh năm 1974 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu phố 3, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Hữu K (đã chết) và bà Lý Thị S (đã chết); Vợ: Đào Thị N, sinh năm 1975; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 08/9/2017 bị cáo bị Toà án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, hiện đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2023, tạm giam từ ngày 29/3/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến nay (Có mặt).

7. Vũ Công Ch; Sinh năm 1982 tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu phố 3, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Ngọc C, sinh năm 1954 và bà Đào Thị L, sinh năm 1959; Vợ: Lê Thị T, sinh năm 1989; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 13/5/2005 bị cáo bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, hiện đã

được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2023, tạm giam từ ngày 29/3/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến nay (Có mặt).

8. Nguyễn Duy H; Sinh năm 1986 tại thành phố Hà Nội; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu phố 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trưởng ban quản lý rừng phòng hộ huyện S, tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị khai trừ ra khỏi đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Duy H, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956; Vợ: Phạm Kim N, sinh năm 1990; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2023, tạm giam từ ngày 29/3/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến nay (Có mặt).

9. Lý A S; Sinh năm 1983 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản PT, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Hà Nhì; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý A H, sinh năm 1959 và bà Chu Mỹ S, sinh năm 1964; Vợ: Trang Mỹ X, sinh năm 1994; Con: Có 01 con, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 09/01/2009, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; Ngày 29/6/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu phạt 8.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Hiện đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2023, đến ngày 29/3/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Có mặt).

10. Phạm Cát L; Sinh năm 1985 tại tỉnh Tuyên Quang; Nơi ĐKHKTT: Tổ 11, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nơi ở hiện nay: Tổ 10, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Cán bộ Chi cục thuế khu vực thành phố L - T; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Thế H, sinh năm 1959 và bà Trần Thị T, sinh năm 1964; Vợ: Phạm Thị N, sinh năm 1988 (đã ly hôn); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2023 đến ngày 29/3/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Có mặt).

11. Lê Đăng S; Sinh năm 1989 tại tỉnh Thanh Hoá; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 27, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đăng P, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Vợ: Hoàng Thị Ngọc D, sinh năm 1993; Con: Có 01 con, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2023 đến ngày 29/3/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Có mặt).

12. Nguyễn Quốc V; Sinh năm 1975 tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị cách chức các chức vụ trong Đảng; Nghề nghiệp: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, hiện đã bị cách chức; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Đỗ Thị S (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1980; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2023 cho đến nay (Có mặt).

13. Phùng Đức D; Sinh năm 1986 tại tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản PT, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phùng Đức C, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; Vợ: Vũ Thị Kim T, sinh năm 1990; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2023, tạm giam từ ngày 29/3/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến nay (Có mặt).

14. Lý Phũ Kin; Sinh năm 1985 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản U, H, huyện P, tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy, đình chỉ chức vụ trong Đảng; Nghề nghiệp: Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý Chín L, sinh năm 1959 và bà Tẩn Tả M, sinh năm 1959; Vợ: Hoàng Thị N, sinh năm 1982; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/3/2023, đến ngày 29/3/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Có mặt).

15. Tao Văn T; Sinh năm 1988 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT: Bản P, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu; Nơi ở hiện nay: Bản N1, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Lự; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tao Văn P, sinh năm 1950 và bà Tao Thị K, sinh năm 1952; Vợ: Cà Thị T, sinh năm 1990; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2023, đến ngày 29/3/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Có mặt).

16. Nguyễn Xuân B; Sinh năm 1979 tại tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT: Khu 1, T, xã Th, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi tạm trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu phố 3, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Xuân T, sinh năm 1950 và bà Hà Thị T, sinh năm 1950; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2023, tạm

giam từ ngày 29/3/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến nay (Có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn C:* Bà Đinh Thị Thu H, Luật sư Công ty Luật TNHH HLT và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội - Địa chỉ: Số 9 L, phường C, quận H, thành phố Hà Nội (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ ngày 13/3/2022 đến ngày 19/3/2023, bằng việc sử dụng điện thoại di động đăng ký các tài khoản mạng xã hội Zalo để liên lạc, nhắn tin mua bán số lô, số đề trái quy định và cá độ bóng đá. Các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn C, Trần Thị S, Phí Văn C, Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H, Vũ Công Ch, Nguyễn Duy H, Lý A S, Phạm Cát L, Lê Đăng S, Nguyễn Quốc V, Phùng Đức D, Lý Phũ K, Tao Văn T, Nguyễn Xuân B đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái quy định của Nhà nước. Sau khi thực hiện việc mua bán số lô, số đề, các bị cáo lấy kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng hồi 18 giờ 15 phút hàng ngày để đối chiếu thắng - thua, trong đó: Số lô điểm, lô xiên được so với 02 số cuối cùng của 27 giải, nếu trùng số đã mua thì người mua trúng và được trả 01 điểm lô bằng 80.000 đồng; lô xiên 02 được trả gấp 10 lần, lô xiên 03 được trả gấp 40 lần, lô xiên 04 được trả gấp 100 lần số tiền đánh; số đề 02 càng hoặc 03 càng được so với 02 số cuối hoặc 03 số cuối cùng của giải đặc biệt, nếu trùng là trúng thưởng, số đề 02 càng trả gấp 70 lần, số đề 03 càng trả gấp 400 lần so với số tiền bỏ ra đánh. Sau khi có kết quả xổ số thì tính ra tiền thắng, thua rồi trả tiền cho nhau bằng tiền mặt, hoặc chuyển khoản.

Kết quả điều tra xác định các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề trái quy định của Nhà nước cụ thể như sau:

1. Hành vi đánh bạc của nhóm các bị cáo Nguyễn Trung T, Lê Đăng S, Vũ Hữu H, Vũ Công Ch, Phí Văn C, Nguyễn Duy H, Lý Phũ K, Nguyễn Xuân B, Tao Văn T, Lý A S, Phùng Đức D:

Từ ngày 25/8/2022 đến ngày 19/3/2023, bị cáo Nguyễn Trung T nhiều lần nhận số lô, số đề trái quy định Nhà nước của nhiều người khác với giá dao động từ 22.500 đồng/điểm đến 23.000 đồng/điểm lô rồi tự ôm và trả thưởng cho người chơi hoặc chuyển cho bị cáo Lê Đăng S với giá 21.800 đồng/điểm lô, còn số đề, lô xiên là 80% trên tổng số tiền đánh. Kết quả điều tra xác định Nguyễn Trung T cùng các bị cáo đánh bạc như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 25/8/2022, bị cáo Nguyễn Trung T nhận 1.000 điểm lô từ bị cáo Vũ Hữu H với giá 22.500 đồng/điểm = 22.500.000 đồng, đây là số lô các bị cáo Vũ Công Ch, Phí Văn C chung nhau đánh với bị cáo Vũ Hữu H với giá 23.000 đồng/điểm = 23.000.000 đồng (H hưởng lợi 500.000 đồng). Sau khi có kết

quả xổ số miền Bắc mở thưởng thì Ch, C không trúng thưởng. Do đó xác định số tiền đánh bạc trong ngày của **Vũ Công Ch, Phí Văn C và Vũ Hữu H là 23.000.000 đồng, Nguyễn Trung T là 22.500.000 đồng**. Vậy T bán lô, đề được số tiền là 22.500.000 đồng; H hưởng lợi chênh lệch là 500.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 06/9/2022, bị cáo Nguyễn Trung T nhận 1.600 điểm lô từ bị cáo Vũ Hữu H với giá 22.500 đồng/điểm = 36.000.000 đồng, đây là số lô điểm các bị cáo Vũ Công Ch, Phí Văn C chung nhau đánh với bị cáo Vũ Hữu H với giá 23.000 đồng/điểm = 36.800.000 đồng (H hưởng lợi 800.000 đồng). Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày thì Ch, C trúng 500 điểm x 80.000 đồng/điểm = 40.000.000 đồng. Do đó xác định số tiền đánh bạc trong ngày của **Vũ Công Ch, Phí Văn C và Vũ Hữu H là 76.800.000 đồng, Nguyễn Trung T là 76.000.000 đồng**. Vậy T bán lô, đề được số tiền là 36.000.000 đồng, H hưởng lợi chênh lệch là 800.000 đồng, Ch thắng bạc là 20.000.000 đồng, C thắng bạc là 20.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 09/9/2022, bị cáo Nguyễn Trung T nhận 900 điểm lô từ bị cáo Vũ Hữu H với giá 22.500 đồng/điểm = 20.250.000 đồng, trong đó các bị cáo Vũ Công Ch, Phí Văn C chung nhau đánh 600 điểm, bị cáo Vũ Công Ch đánh riêng 300 điểm, tổng 900 điểm x 23.000 đồng/điểm = 20.700.000 đồng (H hưởng lợi 450.000 đồng). Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì Ch, C trúng thưởng 300 điểm x 80.000 đồng/điểm = 24.000.000 đồng. Do đó xác định số tiền đánh bạc của **Vũ Công Ch, Vũ Hữu H là 44.700.000 đồng, Phí Văn C là 37.800.000 đồng, Nguyễn Trung T là 44.250.000 đồng**. Vậy T bán lô, đề được số tiền là 20.250.000 đồng, H hưởng lợi chênh lệch là 450.000 đồng, Ch thắng bạc là 12.000.000 đồng, C thắng bạc là 12.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 10/9/2022, bị cáo Nguyễn Trung T nhận 1.500 điểm lô từ bị cáo Vũ Hữu H với giá 22.500 đồng/điểm = 33.750.000 đồng, đây là số lô các bị cáo Vũ Công Ch, Phí Văn C chung nhau đánh với với giá 23.000 đồng/điểm = 34.500.000 đồng (H hưởng lợi 750.000 đồng). Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì C, Ch không trúng thưởng. Do đó xác định số tiền đánh bạc của **Vũ Công Ch, Phí Văn C, Vũ Hữu H là 34.500.000 đồng, Nguyễn Trung T là 33.750.000 đồng**. Vậy T bán lô, đề được số tiền là 33.750.000 đồng, H hưởng lợi chênh lệch là 750.000 đồng.

Lần thứ năm: Ngày 04/10/2022, bị cáo Nguyễn Trung T nhận 1.500 điểm lô từ bị cáo Vũ Hữu H với giá 22.500 đồng/điểm = 33.750.000 đồng, đây là số lô các bị cáo Vũ Công Ch, Phí Văn C và Nguyễn Duy H chung nhau đánh với giá 23.000 đồng/điểm = 34.500.000 đồng (H hưởng lợi 750.000 đồng). Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì C, Ch, H không trúng thưởng. Do đó xác định số tiền đánh bạc của **Vũ Công Ch, Phí Văn C, Nguyễn Duy H, Vũ Hữu H là 34.500.000 đồng, Nguyễn Trung T là 33.750.000 đồng**. Vậy T bán lô, đề được số tiền là 33.750.000 đồng, H hưởng lợi chênh lệch là 750.000 đồng.

Lần thứ sáu: Ngày 02/02/2023, bị cáo Vũ Hữu H nhắn tin cho bị cáo Nguyễn Trung T đánh 300 điểm lô x 22.500 đồng/điểm = 6.750.000 đồng, đánh các số đề với tổng số tiền 2.300.000 đồng x 90% = 2.070.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày H không trúng thưởng. Do đó xác định số tiền đánh bạc của **Vũ Hữu H, Nguyễn Trung T là 9.050.000 đồng**. Vậy T bán lô, đề được số tiền là 8.820.000 đồng, H dùng tiền đánh bạc là 230.000 đồng.

Lần thứ bảy: Ngày 08/02/2023, bị cáo Vũ Hữu H nhắn tin cho bị cáo Nguyễn Trung T đánh 280 điểm lô x 22.500 đồng/điểm = 6.300.000 đồng, đánh các số đề với tổng số tiền 5.450.000 đồng x 90% = 4.905.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì H trúng thưởng 60 điểm lô x 80.000 đồng/điểm = 4.800.000 đồng. Do đó xác định số tiền đánh bạc trong ngày của **Vũ Hữu H, Nguyễn Trung T là 16.550.000 đồng**. Vậy T bán lô, đề được số tiền là 11.205.000 đồng, H dùng tiền đánh bạc và thắng bạc là 5.345.000 đồng.

Lần thứ tám: Ngày 11/02/2023, bị cáo Lý Phũ K nhắn tin cho bị cáo Nguyễn Trung T đánh 50 điểm lô x 23.000 đồng/điểm = 1.150.000 đồng, đánh số đề ba càng 10.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì Lý Phũ K trúng thưởng 150 điểm (lặp lại 03 lần) x 80.000 đồng/điểm = 12.000.000 đồng. Do đó xác định số tiền đánh bạc của **Lý Phũ K, Nguyễn Trung T là 13.160.000 đồng**. Vậy K mua lô, đề nhưng chưa thanh toán cho T là 1.160.000 đồng, T chưa thanh toán cho K tiền thắng bạc là 12.000.000 đồng.

Lần thứ chín: Ngày 18/02/2023, bị cáo Vũ Hữu H nhắn tin cho bị cáo Nguyễn Trung T đánh 950 điểm lô x 22.500 đồng/điểm = 21.375.000 đồng, đánh các số đề, lô xiên với tổng số tiền 11.050.000 đồng x 90% = 9.945.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì H trúng thưởng 500 điểm lô x 80.000 đồng/điểm = 40.000.000 đồng, H trúng số lô xiên ba 500.000 đồng x 40 lần = 20.000.000 đồng. Do đó xác định số tiền đánh bạc của **Vũ Hữu H, Nguyễn Trung T là 92.425.000 đồng**. Vậy T bán lô, đề được số tiền là 31.320.000 đồng, H dùng tiền đánh bạc và thắng bạc là 61.105.000 đồng.

Lần thứ mười: Ngày 28/02/2023, bị cáo Vũ Hữu H nhắn tin cho bị cáo Nguyễn Trung T đánh 300 điểm lô x 22.500 đồng/điểm = 6.750.000 đồng, đánh các số đề, lô xiên với tổng số tiền 2.500.000 đồng x 90% = 2.250.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì H không trúng thưởng. Do đó xác định số tiền đánh bạc của **Vũ Hữu H, Nguyễn Trung T là 9.250.000 đồng**. Vậy T bán lô, đề được số tiền là 9.000.000 đồng, H dùng tiền đánh bạc là 250.000 đồng.

Lần thứ mười một: Ngày 16/3/2023, bị cáo Tao Văn T nhắn tin cho bị cáo Nguyễn Trung T đánh 300 điểm lô x 22.500 đồng/điểm = 6.750.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì Tao Văn T không trúng thưởng. Do đó xác định số tiền đánh bạc của **Tao Văn T, Nguyễn Trung T là 6.750.000 đồng**. Vậy T bán lô, đề được số tiền là 6.750.000 đồng.

Lần thứ mười hai: Ngày 18/3/2023, bị cáo Nguyễn Xuân B nhắn tin cho bị cáo Nguyễn Trung T đánh 120 điểm lô x 23.000 đồng/điểm = 2.760.000 đồng, T chuyển cho bị cáo Lê Đăng S với giá 21.800 đồng/điểm lô = 2.616.000 đồng (hưởng lợi 144.000 đồng). Ngoài ra bị cáo Nguyễn Trung T còn đánh thêm 870 điểm lô x 21.800 đồng/điểm = 18.966.000 đồng, đánh các số đề với tổng số tiền 500.000 đồng x 80% = 400.000 đồng với bị cáo Lê Đăng S. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì Nguyễn Xuân B trúng thưởng 40 điểm lô x 80.000 đồng/điểm = 3.200.000 đồng; Nguyễn Trung T trúng thưởng 60 điểm lô x 80.000 đồng/điểm = 4.800.000 đồng (trong đó có 3.200.000 đồng trúng thưởng của B). Cùng ngày, bị cáo Lý A S nhắn tin cho bị cáo Nguyễn Trung T đánh 440 điểm lô x 23.000 đồng/điểm = 10.120.000 đồng, T tự ôm và trả thưởng. Sau khi có kết quả mở thưởng xổ số miền Bắc trong ngày thì Lý A S trúng thưởng 110 điểm x 80.000 đồng/điểm = 8.800.000 đồng. Do đó xác định số tiền đánh bạc trong ngày của bị cáo **Nguyễn Trung T là 49.146.000 đồng, Lê Đăng S là 26.882.000 đồng, Nguyễn Xuân B là 5.960.000 đồng, Lý A S là 18.920.000 đồng.** Vậy T bán lô, đề, hưởng lợi chênh lệch, thắng bạc và tiền dùng đánh bạc là 11.964.000 đồng, S bán lô, đề được tổng số tiền là 21.982.000 đồng, B thắng bạc là 3.200.000 đồng, Lý A S thắng bạc là 8.800.000 đồng.

Lần thứ mười ba: Vào ngày 19/3/2023, bị cáo Lý A S nhắn tin cho bị cáo Phùng Đức D đánh 350 điểm lô x 23.000 đồng/điểm = 8.050.000 đồng, D tự ôm và trả thưởng cho S. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì Lý A S trúng thưởng 70 điểm x 80.000 đồng/điểm = 5.600.000 đồng. Do đó xác định tổng số tiền đánh bạc ngày 19/3/2023 của **Lý A S, Phùng Đức D là 13.650.000 đồng.** Vậy D bán lô, đề được số tiền là 8.050.000 đồng và 5.600.000 đồng D chưa thanh toán cho S, tổng là 13.650.000 đồng.

2. Hành vi đánh bạc của nhóm các bị cáo Trần Thị S, Lê Văn L, Hà Văn C, Vũ Công Ch, Phí Văn C, Nguyễn Duy H, Phạm Cát L, Nguyễn Quốc V: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2023 đến ngày 18/3/2023, bị cáo Hà Văn C vừa trực tiếp đánh số lô, số đề trái quy định Nhà nước, vừa nhận số lô, số đề của nhiều bị cáo khác với giá 22.500 đồng đến 23.000 đồng/điểm lô, còn số đề, lô xiên là 73% trên tổng số tiền đánh rồi chuyển cho bị cáo Lê Văn L với giá 22.000 đồng/điểm lô để hưởng chênh lệch. Bị cáo Lê Văn L sau khi nhận được các số lô, số đề từ bị cáo Hà Văn C, L vừa tự ôm và trả thưởng, vừa chuyển và trực tiếp đánh với bị cáo Trần Thị S với giá 21.800 đồng/điểm lô, số đề, lô xiên là 73% trên tổng số tiền đánh nhằm hưởng lợi. Các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 17/02/2023, bị cáo Nguyễn Quốc V nhắn tin cho bị cáo Hà Văn C đánh 1.000 điểm lô x 23.000 đồng/điểm = 23.000.000 đồng, đánh hai số đề với tổng số tiền 1.000.000 đồng, C tự ôm và trả thưởng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì Nguyễn Quốc V không trúng thưởng. Do đó xác định số tiền đánh bạc trong ngày của **Hà Văn C, Nguyễn Quốc V là 24.000.000 đồng.** Vậy C bán lô, đề được số tiền là 24.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 02/3/2023, bị cáo Vũ Công Ch nhấn tin cho bị cáo Hà Văn C đánh 300 điểm lô x 23.000 đồng/điểm = 6.900.000 đồng, sau đó C chuyển cho bị cáo Lê Văn L (hưởng lợi 300.000 đồng). Ngoài ra bị cáo C còn đánh với Lê Văn L 1.450 điểm lô x 22.000 đồng/điểm = 31.900.000 đồng, các số đề với tổng số tiền 2.800.000 đồng x 73% = 2.044.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày Ch không trúng thưởng, C trúng thưởng 25 điểm lô x 80.000 đồng/điểm = 2.000.000 đồng. Do đó xác định số tiền đánh bạc trong ngày của **Hà Văn C là 43.600.000 đồng, Lê Văn L là 43.300.000 đồng, Vũ Công Ch là 6.900.000 đồng**. Vậy L bán lô, đề được số tiền là 40.544.000 đồng, C hưởng lợi chênh lệch, thắng bạc và tiền dùng để đánh bạc là 3.056.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 03/3/2023, bị cáo Vũ Công Ch nhấn tin cho bị cáo Hà Văn C đánh 300 điểm lô x 23.000 đồng/điểm = 6.900.000 đồng, sau đó C chuyển cho bị cáo Lê Văn L (hưởng lợi 300.000 đồng). Cùng ngày Nguyễn Xuân B nhấn tin cho Hà Văn C đánh 150 điểm lô x 23.000 đồng/điểm = 3.450.000 đồng, C tự ôm và trả thưởng. Ngoài ra bị cáo C còn đánh với Lê Văn L 1.270 điểm lô x 22.000 đồng/điểm = 27.940.000 đồng, các số đề với tổng số tiền 800.000 đồng x 73% = 584.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày B không trúng thưởng, Ch trúng thưởng 300 điểm lô x 80.000 đồng/điểm = 24.000.000 đồng. Do đó xác định số tiền đánh bạc trong ngày của **Hà Văn C là 63.090.000 đồng, Lê Văn L là 59.340.000 đồng, Vũ Công Ch là 30.900.000 đồng**, Nguyễn Xuân B là 3.450.000 đồng. Vậy C bán lô, đề, hưởng lợi chênh lệch và tiền dùng đánh bạc là 3.966.000 đồng, L bán lô, đề được số tiền là 35.124.000 đồng, Ch thắng bạc là 24.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 04/3/2023, bị cáo Vũ Công Ch nhấn tin cho bị cáo Hà Văn C đánh 400 điểm lô x 23.000 đồng/điểm = 9.200.000 đồng, sau đó C chuyển cho bị cáo Lê Văn L (hưởng lợi 400.000 đồng). Ngoài ra bị cáo C còn đánh với Lê Văn L 2.310 điểm lô x 22.000 đồng/điểm = 50.820.000 đồng, các số đề với tổng số tiền 2.400.000 đồng x 73% = 1.752.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày Vũ Công Ch không trúng thưởng, Hà Văn C trúng 1.460 điểm lô x 80.000 đồng/điểm = 116.800.000 đồng. Do đó xác định số tiền đánh bạc trong ngày của **Hà Văn C là 179.220.000 đồng, Lê Văn L là 178.820.000 đồng, Vũ Công Ch là 9.200.000 đồng**. Vậy L bán lô, đề được số tiền là 61.372.000 đồng, C hưởng lợi chênh lệch, tiền dùng đánh bạc và thắng bạc là 117.848.000 đồng.

Lần thứ năm: Ngày 05/03/2023, bị cáo Hà Văn C nhấn tin cho bị cáo Lê Văn L đánh 200 điểm lô x 22.000 đồng/điểm = 4.400.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì Hà Văn C trúng 200 điểm lô x 80.000 đồng/điểm = 16.000.000 đồng. Do đó xác định số tiền đánh bạc trong ngày của **Hà Văn C, Lê Văn L là 20.400.000 đồng**. Vậy Lập bán lô, đề được số tiền là 4.400.000 đồng, C thắng bạc là 16.000.000 đồng.

Lần thứ sáu: Ngày 06/3/2023, bị cáo Phí Văn C nhấn tin cho Hà Văn C đánh 200 điểm lô x 23.000 đồng/điểm = 4.600.000 đồng, Hà Văn C tự ôm và trả

thưởng. Ngoài ra bị cáo Hà Văn C còn đánh với Lê Văn L $1.800 \text{ điểm lô} \times 22.000 \text{ đồng/điểm} = 39.600.000 \text{ đồng}$, đánh các số đề với tổng số tiền $1.550.000 \text{ đồng} \times 73\% = 1.131.500 \text{ đồng}$. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì Phí Văn C không trúng thưởng, Hà Văn C trúng thưởng $900 \text{ điểm lô} \times 80.000 \text{ đồng/điểm} = 72.000.000 \text{ đồng}$. Do đó xác định số tiền đánh bạc trong ngày của **Hà Văn C là 117.750.000 đồng, Lê Văn L là 113.150.000 đồng**, Phí Văn C là 4.600.000 đồng. Vậy Hà Văn C bán lô, đề, tiền dùng đánh bạc và thắng bạc là 77.018.500 đồng, L bán lô, đề được số tiền là 40.731.500 đồng.

Lần thứ bảy: Ngày 08/3/2023, bị cáo Phí Văn C nhắn tin cho bị cáo Hà Văn C đánh $600 \text{ điểm lô} \times 23.000 \text{ đồng/điểm} = 13.800.000 \text{ đồng}$. Hà Văn C giữ lại $50 \text{ điểm lô} = 1.150.000 \text{ đồng}$, chuyển cho bị cáo Lê Văn L $550 \text{ điểm lô} \times 22.000 \text{ đồng/điểm} = 12.100.000 \text{ đồng}$ (hưởng lợi 550.000 đồng), đồng thời Hà Văn C đánh thêm $1.550 \text{ điểm lô} \times 22.000 \text{ đồng/điểm} = 34.100.000 \text{ đồng}$, đánh thêm các số đề với tổng số tiền $1.000.000 \text{ đồng} \times 73\% = 730.000 \text{ đồng}$. Bị cáo Lê Văn L sau khi nhận số lô, số đề của Hà Văn C thì giữ lại toàn bộ số đề = 730.000 đồng, $750 \text{ điểm lô} = 16.500.000 \text{ đồng}$, chuyển cho bị cáo Trần Thị S $1.350 \text{ điểm lô} \times 21.800 \text{ đồng/điểm} = 29.430.000 \text{ đồng}$ (hưởng lợi 270.000 đồng) và đánh thêm với S $560 \text{ điểm lô} \times 21.800 \text{ đồng/điểm} = 12.208.000 \text{ đồng}$, đánh các số đề với tổng số tiền $840.000 \text{ đồng} \times 73\% = 613.200 \text{ đồng}$. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì Phí Văn C không trúng thưởng, Hà Văn C trúng thưởng $100 \text{ điểm lô} \times 80.000 \text{ đồng/điểm} = 8.000.000 \text{ đồng}$, Lê Văn L trúng thưởng $295 \text{ điểm lô} \times 80.000 \text{ đồng/điểm} = 23.600.000 \text{ đồng}$. Do đó xác định số tiền đánh bạc trong ngày của **Trần Thị S là 66.078.000 đồng, Lê Văn L là 91.848.000 đồng, Hà Văn C là 56.900.000 đồng, Phí Văn C là 13.800.000 đồng**. Vậy S bán lô, đề được số tiền là 42.251.200 đồng, L bán lô đề, hưởng lợi chênh lệch, tiền dùng đánh bạc và thắng bạc là 41.326.800 đồng, Hà Văn C bán lô, đề, hưởng lợi chênh lệch, tiền dùng đánh bạc và thắng bạc là 9.970.000 đồng.

Lần thứ tám: Ngày 12/3/2023, bị cáo Phí Văn C nhắn tin cho bị cáo Hà Văn C đánh $500 \text{ điểm lô} \times 23.000 \text{ đồng/điểm} = 11.500.000 \text{ đồng}$. Sau đó Hà Văn C chuyển cho bị cáo Lê Văn L với giá $22.000 \text{ đồng/điểm} = 11.000.000 \text{ đồng}$ (hưởng lợi 500.000 đồng), đồng thời Hà Văn C đánh thêm $3.050 \text{ điểm lô} \times 22.000 \text{ đồng/điểm} = 67.100.000 \text{ đồng}$, đánh thêm các số đề với tổng số tiền là $5.200.000 \text{ đồng} \times 73\% = 3.796.000 \text{ đồng}$. Bị cáo Lê Văn L sau khi nhận số lô, số đề của Hà Văn C thì giữ lại toàn bộ số đề = 3.796.000 đồng, $700 \text{ điểm lô} = 15.400.000 \text{ đồng}$, chuyển cho bị cáo Trần Thị S $2.850 \text{ điểm lô} \times 21.800 \text{ đồng/điểm} = 62.130.000 \text{ đồng}$ (hưởng lợi 570.000 đồng) và đánh thêm với S $1.675 \text{ điểm lô} \times 21.800 \text{ đồng/điểm} = 36.515.000 \text{ đồng}$, đánh các số đề với tổng số tiền $1.830.000 \text{ đồng} \times 73\% = 1.335.900 \text{ đồng}$. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc trong ngày thì Phí Văn C không trúng thưởng, Hà Văn C trúng $1.000 \text{ điểm lô} \times 80.000 \text{ đồng/điểm} = 80.000.000 \text{ đồng}$ (trong đó S phải chịu trách nhiệm hình sự là 72.000.000 đồng), Lê Văn L trúng thưởng $340 \text{ điểm lô} \times 80.000 \text{ đồng/điểm} = 27.200.000 \text{ đồng}$, trúng thưởng 60.000

đồng đề x 70 lần = 4.200.000 đồng. Do đó xác định số tiền đánh bạc trong ngày của **Trần Thị S là 203.875.000 đồng, Lê Văn L là 233.045.000 đồng, Hà Văn C là 163.800.000 đồng, Phí Văn C là 11.500.000 đồng.** Vậy L bán lô, đề, hưởng lợi chênh lệch, tiền dùng đánh bạc và thắng bạc là 51.660.100 đồng, Hà Văn C hưởng lợi chênh lệch, tiền dùng đánh bạc và thắng bạc là 81.904.000 đồng, S bán lô, đề được tổng số tiền là 99.980.900 đồng.

Lần thứ chín: Ngày 14/3/2023, bị cáo Phí Văn C nhắn tin cho bị cáo Hà Văn C đánh 1.000 điểm lô x 23.000 đồng/điểm = 23.000.000 đồng. Hà Văn C chuyển hết cho bị cáo Lê Văn L (hưởng lợi 1.000.000 đồng), đồng thời Hà Văn C đánh thêm 650 điểm lô x 22.000 đồng/điểm = 14.300.000 đồng, đánh thêm các số đề với tổng số tiền 1.700.000 đồng x 73% = 1.241.000 đồng. Bị cáo Lê Văn L sau khi nhận số lô, số đề của Hà Văn C thì giữ lại toàn bộ số đề = 1.241.000 đồng, 250 điểm lô = 5.500.000 đồng, chuyển cho bị cáo Trần Thị S 1.400 điểm lô x 21.800 đồng/điểm = 30.520.000 đồng (hưởng lợi 280.000 đồng) và đánh thêm với S 875 điểm lô x 21.800 đồng/điểm = 19.075.000 đồng, đánh các số đề với tổng số tiền 380.000 đồng x 73% = 277.400 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc trong ngày C trúng thưởng 500 điểm lô x 80.000 đồng/điểm = 40.000.000 đồng (trong đó S phải chịu trách nhiệm hình sự là 36.000.000 đồng), Hà Văn C không trúng thưởng, Lê Văn L trúng thưởng 135 điểm lô x 80.000 đồng/điểm = 10.800.000 đồng, trúng thưởng 40.000 đồng tiền đề x 70 lần = 2.800.000 đồng. Do đó xác định số tiền đánh bạc trong ngày của **Trần Thị S là 99.575.000 đồng, Lê Văn L là 111.055.000 đồng, Hà Văn C là 79.000.000 đồng, Phí Văn C là 63.000.000 đồng.** Vậy L bán lô, đề, hưởng lợi chênh lệch, tiền dùng đánh bạc và thắng bạc là 20.723.600 đồng, Hà Văn C hưởng lợi chênh lệch, tiền dùng đánh bạc là 1.459.000 đồng, S bán lô, đề được tổng số tiền là 49.872.400 đồng, C thắng bạc là 40.000.000 đồng.

Lần thứ mười: Ngày 17/3/2023, bị cáo Hà Văn C nhắn tin cho bị cáo Lê Văn L đánh 550 điểm lô x 22.000 đồng/điểm = 12.100.000 đồng, đánh các số đề với tổng số tiền 300.000 đồng x 73% = 219.000 đồng với bị cáo Lê Văn L. Bị cáo L sau khi nhận số lô, số đề của Hà Văn C thì giữ lại toàn bộ số đề = 219.000 đồng, 100 điểm lô của C = 2.200.000 đồng, chuyển cho bị cáo Trần Thị S 450 điểm lô x 21.800 đồng/điểm = 9.810.000 đồng (hưởng lợi 90.000 đồng) và đánh thêm với S 775 điểm lô x 21.800 đồng/điểm = 16.895.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày thì Hà Văn C không trúng thưởng, Lê Văn L trúng thưởng 145 điểm lô x 80.000 đồng/điểm = 11.600.000 đồng. Do đó xác định số tiền đánh bạc trong ngày của **Trần Thị S là 38.305.000 đồng, Lê Văn L là 40.895.000 đồng, Hà Văn C là 12.400.000 đồng.** Vậy L bán lô, đề, hưởng lợi chênh lệch và thắng bạc là 14.109.000 đồng, C dùng tiền đánh bạc là 81.000 đồng, S bán lô, đề được tổng số tiền là 26.705.000 đồng.

Lần thứ mười một: Ngày 18/3/2023, bị cáo Phí Văn C nhắn tin cho bị cáo Hà Văn C đánh 1.500 điểm lô x 23.000 đồng/điểm = 34.500.000 đồng, Nguyễn Duy H nhắn tin cho Hà Văn C đánh 1.000 điểm lô x 23.000 đồng/điểm = 23.000.000 đồng, H

đánh các số đề với tổng số tiền 6.200.000 đồng. Bị cáo Hà Văn C sau khi nhận các số lô, số đề của Phí Văn C, Nguyễn Duy H thì chuyển hết cho bị cáo Lê Văn L 2.500 điểm lô x 22.000 đồng/điểm = 55.000.000 đồng (hưởng lợi 2.500.000 đồng) và đề 6.200.000 đồng x 73% = 4.526.000 đồng (hưởng lợi 1.674.000 đồng). L giữ lại 3.650.000 đồng tiền đề, 600 điểm lô x 22.000 đồng/điểm = 13.200.000 đồng, chuyển cho bị cáo Trần Thị S 1900 điểm lô x 21.800 đồng/điểm = 41.420.000 đồng (hưởng lợi 380.000 đồng) và đánh thêm với S 1.010 điểm lô x 21.800 đồng/điểm = 22.018.000 đồng và số lô xiên ba là 150.000 đồng x 73% = 109.500 đồng, số đề 1.200.000 đồng x 73% = 876.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc trong ngày thì Nguyễn Duy H trúng thưởng 500 điểm lô x 80.000 đồng/điểm = 40.000.000 đồng, Phí Văn C trúng thưởng 1.200 điểm lô x 80.000 đồng/điểm = 96.000.000 đồng, Lê Văn L trúng thưởng 80 điểm lô x 80.000 đồng/điểm = 6.400.000 đồng (S phải chịu trách nhiệm hình sự trong tổng số tiền thắng bạc của H, Phí Văn C, L là 110.400.000 đồng). Do đó xác định số tiền đánh bạc trong ngày của **Trần Thị S là 175.188.000 đồng, Lê Văn L là 226.968.000 đồng, Hà Văn C là 199.700.000 đồng, Phí Văn C là 130.500.000 đồng, Nguyễn Duy H là 69.200.000 đồng**. Vậy S bán lô, đề được tổng số tiền là 64.423.500 đồng, L bán lô, đề, hưởng lợi chênh lệch, tiền dùng đánh bạc và thắng bạc là 23.994.500 đồng, Hà Văn C hưởng lợi chênh lệch là 4.174.000 đồng, H thắng bạc là 40.000.000 đồng, C thắng bạc là 96.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Duy H ngoài các lần đánh bạc nêu trên, H còn 02 lần khác thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái quy định của Nhà nước và cá độ bóng đá cùng với bị cáo Phạm Cát L, cụ thể:

Lần thứ mười hai: ngày 13/3/2022, bị cáo Nguyễn Duy H nhắn tin cho bị cáo Phạm Cát L đánh 1.000 điểm lô x 21.800 đồng/điểm = 21.800.000 đồng, đánh các số đề với tổng số tiền 1.000.000 đồng, L tự ôm và trả thưởng cho H. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc trong ngày thì Nguyễn Duy H không trúng thưởng. Do đó xác định số tiền đánh bạc trong ngày của **Nguyễn Duy H, Phạm Cát L là 22.800.000 đồng**. Vậy L bán lô, đề được tổng số tiền là 22.800.000 đồng.

Lần thứ mười ba: Ngày 18/3/2023, bị cáo Nguyễn Duy H nhắn tin cho bị cáo Phạm Cát L tham gia cá độ kèo bóng đá xiên 3 (Wolver, Leicester, Tottenham) số tiền 3.000.000 đồng và kèo xiên 3 (Chelsea, Manchester City, Tottenham) số tiền 5.000.000 đồng. L tự ôm và trả thưởng cho H với tỷ lệ xiên ba của các đội bóng Wolver, Leicester, Tottenham nếu thắng thì nhân với tỉ lệ 3.000.000 đồng x 7,5825 = 22.747.500 đồng, còn xiên ba của các đội Chelsea, Manchester City, Tottenham nếu thắng thì nhân với tỉ lệ 5.000.000 đồng x 6,1879 = 30.939.500 đồng. Kết quả sau khi các trận đấu kết thúc, H bị thua cược. Do đó xác định số tiền đánh bạc ngày 18/3/2023 của **Phạm Cát L và Nguyễn Duy H là 8.000.000 đồng**. Vậy L cá độ bóng đá được tổng số tiền là 8.000.000 đồng.

Đến ngày 19/3/2023, thông qua việc giải quyết vụ án “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, qua tài liệu chứng cứ thu được, Cơ quan điều tra phát hiện bị cáo Vũ Công Ch có hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô,

số đề trái quy định của Nhà nước nên tiến hành khám xét khẩn cấp, thu giữ các đồ vật, tài liệu liên quan, các điện thoại di động và tiến hành trưng cầu giám định khôi phục dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số 465/KL-KTHS ngày 14/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: Khôi phục, trích xuất được dữ liệu điện tử trong các mẫu vật gửi giám định:

Đối với điện thoại iPhone 13 mini vỏ màu xanh...tìm thấy: 2.80 MB (2,942,215 bytes) dữ liệu, bao gồm: Danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng Zalo, tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo. Toàn bộ dữ liệu được lưu trong thư mục có tên: *“13 mini Nguyen Trung T”*.

Đối với điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG loại Galaxy S22 Ultra, màu đen...tìm thấy: 105 MB (110,466,487 bytes) dữ liệu, bao gồm: Danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng Zalo, danh bạ trong ứng dụng Facebook; tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo, tin nhắn trong ứng dụng Messenger. Toàn bộ dữ liệu được lưu trong thư mục có tên: *“S22 Vu Cong Ch”*.

Đối với điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG loại Galaxy J7 Prime, vỏ màu vàng hồng...tìm thấy: 491 KB (503,305 bytes) dữ liệu, bao gồm: Danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng Zalo, danh bạ trong ứng dụng Facebook; tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo, tin nhắn trong ứng dụng Messenger. Toàn bộ dữ liệu được lưu trong thư mục có tên: *“J7 Prime Tran Thi S”*.

Đối với điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG loại Galaxy S21+ 5G, vỏ màu đen... tìm thấy: 458 KB (469,112 bytes) dữ liệu, bao gồm: Danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng Zalo, danh bạ trong ứng dụng Facebook; tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo, tin nhắn trong ứng dụng Messenger. Toàn bộ dữ liệu được lưu trong thư mục có tên: *“S21 Vu Huu H”*.

Đối với điện thoại Iphone SE màu vàng...tìm thấy: 38.2 KB (39,125 bytes) dữ liệu, bao gồm: Danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng Zalo, tin nhắn SMS. Toàn bộ dữ liệu được lưu trong thư mục có tên: *“SE Vu Huu H”*.

Đối với điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, loại Galaxy Note 10+, màu xanh...tìm thấy: 67.8 MB (71,115,152 bytes) dữ liệu, bao gồm: Danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng Zalo, danh bạ trong ứng dụng Facebook; tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo, tin nhắn trong ứng dụng Messenger. Toàn bộ dữ liệu được lưu trong thư mục có tên: *“Note 10 Plus Ha Van C”*.

Đối với điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, loại Galaxy Note 10+ màu bạc...tìm thấy: 76.8 MB (80,546,441 bytes) dữ liệu, bao gồm: Danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng Zalo, danh bạ trong ứng dụng Facebook; tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo, tin nhắn trong ứng dụng Messenger. Toàn bộ dữ liệu được lưu trong thư mục có tên: *“Note 10 Plus Phi Van C”*.

Đối với điện thoại Iphone 12 Pro Max, màu xanh...tìm thấy: 778 KB (797,360 bytes) dữ liệu, bao gồm: Danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng

Zalo, tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo. Toàn bộ dữ liệu được lưu trong thư mục có tên: *“12promax Nguyen Duy H”*.

Đối với điện thoại nhãn hiệu SamSung, loại Galaxy A51, màu xanh...tìm thấy: 29.2 MB (30,650,797 bytes) dữ liệu, bao gồm: Danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng Zalo, danh bạ trong ứng dụng Facebook; tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo, tin nhắn trong ứng dụng Messenger. Toàn bộ dữ liệu được lưu trong thư mục có tên: *“A51 Phung Duc D”*.

Đối với điện thoại nhãn hiệu SamSung, loại GALAXY A31 màu xanh...tìm thấy: 40.5 MB (42,562,358 bytes) dữ liệu, bao gồm: Danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng Zalo, danh bạ trong ứng dụng Facebook; tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo, tin nhắn trong ứng dụng Messenger. Toàn bộ dữ liệu được lưu trong thư mục có tên: *“A31 Ly A S”*.

Đối với điện thoại nhãn hiệu OPPO, loại máy F11, màu đen...tìm thấy: 84.9 MB (89,026,974 bytes) dữ liệu, bao gồm: Danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng Zalo, danh bạ trong ứng dụng Facebook; tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo, tin nhắn trong ứng dụng Messenger. Toàn bộ dữ liệu được lưu trong thư mục có tên: *“OPPO F11 Ly Phu K”*.

Đối với điện thoại nhãn hiệu OPPO, loại máy A93, màu xám...tìm thấy: 8.88 MB (9,317,089 bytes) dữ liệu, bao gồm: Danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng Zalo, danh bạ trong ứng dụng Facebook; tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo, tin nhắn trong ứng dụng Messenger. Toàn bộ dữ liệu được lưu trong thư mục có tên: *“Oppo A93 Le Dang S”*.

Đối với điện thoại iPhone 13 Pro Max...tìm thấy: 29.6 MB (31,109,945 bytes) dữ liệu, bao gồm: Danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng Zalo, tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo. Toàn bộ dữ liệu được lưu trong thư mục có tên: *“13 promax Tao Van T”*.

Đối với điện thoại nhãn hiệu SamSung, loại máy Galaxy S10, màu xanh...tìm thấy: 12.7 MB (13,365,725 bytes) dữ liệu, bao gồm: Danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng Zalo, danh bạ trong ứng dụng Facebook; tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo, tin nhắn trong ứng dụng Messenger. Toàn bộ dữ liệu được lưu trong thư mục có tên: *“S10 Nguyen Xuan B”*.

Đối với điện thoại nhãn hiệu Redmi, loại máy Note 9 pro, màu xanh...tìm thấy: 1.43 MB (1,501,372 bytes) dữ liệu, bao gồm: Danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng Zalo, tin nhắn trong ứng dụng Messenger. Toàn bộ dữ liệu được lưu trong thư mục có tên: *“Redmi note 9 Le Van L”*.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ của các bị cáo gồm những đồ vật, tài liệu sau: Thu giữ của bị cáo Lê Văn L gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi Note 9 Pro màu

xanh kèm theo sim. Thu giữ của bị cáo Hà Văn C gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10+. Thu giữ của bị cáo Trần Thị S gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime vỏ màu vàng hồng kèm theo sim. Thu giữ của bị cáo Phí Văn C gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10+ màu xám đen kèm theo sim. Thu giữ của bị cáo Nguyễn Trung T gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 mini vỏ màu xanh kèm theo sim. Thu giữ của bị cáo Vũ Hữu H gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu SAM SUNG Galaxy S21+5G vỏ màu đen kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone SE màu vàng, trắng kèm theo sim. Thu giữ của bị cáo Vũ Công Ch gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG loại Galaxy S22 Ultra kèm theo sim. Thu giữ của bị cáo Nguyễn Duy H gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 pro max màu xanh kèm theo sim. Thu giữ của bị cáo Lý A S gồm: 01 điện thoại Sam Sung GALAXY A31 màu xanh kèm theo sim. Thu giữ của bị cáo Phùng Đức D gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A51 màu xanh kèm theo sim. Thu giữ của bị cáo Lý Phủ K gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F11 màu đen kèm theo sim. Thu giữ của bị cáo Tao Văn T gồm: 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max kèm theo sim. Thu giữ của bị cáo Nguyễn Xuân B gồm: 01 điện thoại Galaxy S10 kèm theo sim. Các bị cáo đều thừa nhận các điện thoại trên là của các bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội. 01 tờ giấy A4 có dòng kẻ ngang nhãn hiệu “Hải Tiên”, hai mặt của tờ giấy có ghi chữ và số là của bị cáo Nguyễn Trung T dùng để ghi lại các số lô, đề trái quy định Nhà nước, hiện lưu hồ sơ vụ án. Thu giữ của bị cáo Lê Đăng S gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A93 màu nâu kèm theo sim không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với số tiền các bị cáo, gia đình các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn C, Trần Thị S, Phí Văn C, Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H, Vũ Công Ch, Nguyễn Duy H, Phạm Cát L, Lê Đăng S, Nguyễn Xuân B đã giao nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu là tiền các bị cáo dùng đánh bạc và do đánh bạc mà có.

Ngoài các lần đánh bạc nêu trên, kết quả điều tra xác định ngày 26/02/2023 Vũ Hữu H còn có hành vi đánh bạc với Nguyễn Trung T số tiền 3.600.000 đồng; ngày 03/3/2023 Nguyễn Xuân B còn có hành vi đánh bạc với Hà Văn C số tiền 3.450.000 đồng; ngày 06/3/2023 Phí Văn C còn có hành vi đánh bạc với Hà Văn C số tiền 4.600.000 đồng. Đối với những lần đánh bạc này của Vũ Hữu H, Nguyễn Trung T, Nguyễn Xuân B, Phí Văn C do số tiền đánh bạc dưới 5.000.0000 đồng nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự. Còn hành vi của Hà Văn C, ngày 03, 06/3/2023 ngoài đánh bạc với Nguyễn Xuân B, Phí Văn C nêu trên thì Hà Văn C còn đánh bạc với một số người khác với tổng số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng nên bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Lê Đăng S, ngoài lần đánh bạc nêu trên với Nguyễn Trung T thì bị cáo còn khai nhận có hành vi đánh bạc với 02 người tên T1 và C1. Kết quả điều tra xác định do nhân thân, lý lịch của 02 người này không rõ ràng nên không đủ cơ sở để xác minh, làm rõ và xử lý.

Các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn C, Trần Thị S, Phí Văn C, Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H, Vũ Công Ch không lấy tiền từ hành vi đánh bạc làm nguồn sống chính nên không phải chịu tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Tại bản cáo trạng số 73/CT - VKS - P1 ngày 14/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo: Lê Văn L, Hà Văn C, Trần Thị S, Phí Văn C, Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H, Vũ Công Ch, Nguyễn Duy H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Truy tố các bị cáo: Lý A S, Phạm Cát L, Lê Đăng S, Nguyễn Quốc V, Phùng Đức D, Lý Phũ K, Tao Văn T, Nguyễn Xuân B về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Lê Văn L, Hà Văn C, Trần Thị S, Phí Văn C, Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H, Vũ Công Ch, Nguyễn Duy H, Lý A S, Phạm Cát L, Lê Đăng S, Nguyễn Quốc V, Phùng Đức D, Lý Phũ K, Tao Văn T, Nguyễn Xuân B phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2023.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Văn C từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị S từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2023.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phí Văn C từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Hữu H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Công Ch từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình

sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lý A S từ 06 tháng đến 09 tháng tù, khấu trừ 09 ngày đã bị tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Cát L từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Đăng S từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự; Khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo Phùng Đức D từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phùng Đức D nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lý Phủ K từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Tao Văn T từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự; Khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân B từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Xuân B nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung đối với các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn C với mức phạt từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng; Trần Thị S, Phí Văn C, Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H, Vũ Công Ch, Nguyễn Duy H với mức phạt từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; Lý A S với mức phạt từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Không phạt bổ sung đối với các bị cáo Phạm Cát L, Lê Đăng S, Nguyễn Quốc V, Phùng Đức D, Lý Phủ K, Tao Văn T, Nguyễn Xuân B.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi Note 9 Pro màu xanh kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10+;

01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime vỏ màu vàng hồng kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10 + màu xám đen kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 mini vỏ màu xanh kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu SAM SUNG Galaxy S21+5G vỏ màu đen kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone SE màu vàng, trắng kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG loại Galaxy S22 Ultra kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 pro max màu xanh kèm theo sim; 01 điện thoại Sam Sung GALAXY A31 màu xanh kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A51 màu xanh kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F11 màu đen kèm theo sim; 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max kèm theo sim; 01 điện thoại Galaxy S10 kèm theo sim.

Trả lại cho bị cáo Lê Đăng S 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A93 màu nâu kèm theo sim.

Truy thu sung quỹ Nhà nước của các bị cáo số tiền dùng đánh bạc, do đánh bạc mà có, cụ thể: Lê Văn L là 333.985.500 đồng, xác nhận đã nộp 10.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 323.985.500 đồng; Hà Văn C là 339.476.500 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 334.476.500 đồng; Trần Thị S là 283.233.000 đồng, xác nhận đã nộp 50.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 233.233.000 đồng; Phí Văn C là 168.000.000 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 163.000.000 đồng; Nguyễn Trung T là 237.309.000 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 232.309.000 đồng; Vũ Hữu H là 70.180.000 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 65.180.000 đồng; Vũ Công Ch là 56.000.000 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 51.000.000 đồng; Nguyễn Duy H là 40.000.000 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 35.000.000 đồng; Lý A S là 8.800.000 đồng; Phạm Cát L là 30.800.000 đồng, xác nhận đã nộp đủ; Lê Đăng S là 21.982.000 đồng, xác nhận đã nộp 13.770.000 đồng, còn lại phải thi hành là 8.212.000 đồng; Phùng Đức D là 13.650.000 đồng; Lý Phú K là 1.160.000 đồng; Nguyễn Xuân B là 3.200.000 đồng, xác nhận đã nộp 1.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 2.200.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn C đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo C được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Hà Văn C nhất trí với đề nghị của người bào chữa và không bổ sung gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Tại phiên tòa lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến ngày 19/3/2023, tại địa bàn các huyện S, P, thành phố L, tỉnh Lai Châu và huyện M, thành phố Hà Nội, các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn C, Trần Thị S, Phí Văn C, Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H, Vũ Công Ch, Nguyễn Duy H, Lý A S, Phạm Cát L, Lê Đăng S, Nguyễn Quốc V, Phùng Đức D, Lý Phú K, Tao Văn T, Nguyễn Xuân B đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề trái quy định của Nhà nước và cá độ bóng đá, trách nhiệm cụ thể của các bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Lê Văn L: L đã 10 lần thực hiện hành vi đánh bạc, cụ thể: Ngày 02/3/2023: 43.300.000 đồng; ngày 03/3/2023: 59.340.000 đồng; ngày 04/3/2023: 178.820.000 đồng; ngày 05/03/2023: 20.400.000 đồng; ngày 06/3/2023: 113.150.000 đồng; ngày 08/3/2023: 91.848.000 đồng; ngày 12/3/2023: 233.045.000 đồng; ngày 14/3/2023: 111.055.000 đồng; ngày 17/3/2023: 40.895.000 đồng; ngày 18/3/2023: 226.968.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là **1.118.821.000 đồng**, trong đó lần đánh cao nhất là ngày 12/3/2023: 233.045.000 đồng.

Đối với bị cáo Hà Văn C: C đã 11 lần thực hiện hành vi đánh bạc, cụ thể: Ngày 17/02/2023: 24.000.000 đồng; ngày 02/3/2023: 43.600.000 đồng; ngày 03/3/2023: 63.090.000 đồng; ngày 04/3/2023: 179.220.000 đồng; ngày 05/03/2023: 20.400.000 đồng; ngày 06/3/2023: 117.750.000 đồng; ngày 08/3/2023: 56.900.000 đồng; ngày 12/3/2023: 163.800.000 đồng; ngày 14/3/2023: 79.000.000 đồng; ngày 17/3/2023: 12.400.000 đồng; ngày 18/3/2023: 199.700.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là **959.860.000 đồng**, trong đó lần đánh cao nhất là ngày 18/3/2023 với tổng số tiền 199.700.000 đồng.

Đối với bị cáo Trần Thị S: S đã 05 lần thực hiện hành vi đánh bạc, cụ thể: Ngày 08/3/2023: 66.078.000 đồng; ngày 12/3/2023: 203.875.000 đồng; ngày 14/3/2023: 99.575.000 đồng; ngày 17/3/2023: 38.305.000 đồng; ngày 18/3/2023: 175.188.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là **583.021.000 đồng**, trong đó lần đánh cao nhất là ngày 12/3/2023: 203.875.000 đồng.

Đối với bị cáo Phí Văn C: C đã 09 lần thực hiện hành vi đánh bạc, cụ thể: Ngày 25/8/2022: 23.000.000 đồng; ngày 06/9/2022: 76.800.000 đồng; ngày 09/9/2022: 37.800.000 đồng; ngày 10/9/2022: 34.500.000 đồng; ngày 04/10/2022:

34.500.000 đồng; ngày 08/3/2023: 13.800.000 đồng; ngày 12/3/2023: 11.500.000 đồng; ngày 14/3/2023: 63.000.000 đồng; ngày 18/3/2023: 130.500.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là **425.400.000 đồng**, trong đó lần đánh cao nhất là ngày 18/3/2023: 130.500.000 đồng.

Đối với bị cáo Nguyễn Trung T: T đã 12 lần thực hiện hành vi đánh bạc, cụ thể: Ngày 25/8/2022: 22.500.000 đồng; ngày 06/9/2022: 76.000.000 đồng; ngày 09/9/2022: 44.250.000 đồng; ngày 10/9/2022: 33.750.000 đồng; ngày 04/10/2022: 33.750.000 đồng; ngày 02/02/2023: 9.050.000 đồng; ngày 08/02/2023: 16.550.000 đồng; ngày 11/02/2023: 13.160.000 đồng; ngày 18/02/2023: 92.425.000 đồng; ngày 28/02/2023: 9.250.000 đồng; ngày 16/3/2023: 6.750.000 đồng; ngày 18/3/2023: 49.146.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là **406.581.000 đồng**, trong đó lần đánh cao nhất là ngày 18/02/2023: 92.425.000 đồng.

Đối với bị cáo Vũ Hữu H: H đã 09 lần thực hiện hành vi đánh bạc, cụ thể: Ngày 25/8/2022: 23.000.000 đồng; ngày 06/9/2022: 76.800.000 đồng; ngày 09/9/2022: 44.700.000 đồng; ngày 10/9/2022: 34.500.000 đồng; ngày 04/10/2022: 34.500.000 đồng; ngày 02/02/2023: 9.050.000 đồng; ngày 08/02/2023: 16.550.000 đồng; ngày 18/02/2023: 92.425.000 đồng; ngày 28/02/2023: 9.250.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là **340.775.000 đồng**, trong đó lần đánh cao nhất là ngày 18/02/2023: 92.425.000 đồng.

Đối với bị cáo Vũ Công Ch: Ch đã 08 lần thực hiện hành vi đánh bạc, cụ thể: Ngày 25/8/2022: 23.000.000 đồng; ngày 06/9/2022: 76.800.000 đồng; ngày 09/9/2022: 44.700.000 đồng; ngày 10/9/2022: 34.500.000 đồng; ngày 04/10/2022: 34.500.000 đồng; ngày 02/3/2023: 6.900.000 đồng; ngày 03/3/2023: 30.900.000 đồng; ngày 04/3/2023: 9.200.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là **260.500.000 đồng**, trong đó lần đánh cao nhất là ngày 06/9/2022: 76.800.000 đồng.

Đối với bị cáo Nguyễn Duy H: H đã 04 lần thực hiện hành vi đánh bạc, cụ thể: Ngày 13/3/2022: 22.800.000 đồng; ngày 04/10/2022: 34.500.000 đồng; ngày 18/3/2023: 69.200.000 đồng lô, đề và 8.000.000 đồng cá độ bóng đá. Tổng số tiền đánh bạc là **134.500.000 đồng**, trong đó lần đánh cao nhất là ngày 18/3/2023: 69.200.000 đồng.

Đối với bị cáo Lý A S: S đã 02 lần thực hiện hành vi đánh bạc, cụ thể: Ngày 18/3/2023: 18.920.000 đồng; ngày 19/3/2023: 13.650.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là **32.570.000 đồng**, trong đó lần đánh cao nhất là ngày 18/3/2023: 18.920.000 đồng.

Đối với bị cáo Phạm Cát L: L đã 02 lần thực hiện hành vi đánh bạc, cụ thể: Ngày 13/3/2022: 22.800.000 đồng; ngày 18/3/2023: 8.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là **30.800.000 đồng**, trong đó lần đánh cao nhất là ngày 13/3/2022: 22.800.000 đồng.

Đối với bị cáo Lê Đăng S: S đã 01 lần thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 18/3/2023 với số tiền **26.882.000 đồng**.

Đối với bị cáo Nguyễn Quốc V: V đã 01 lần thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 17/02/2023 với số tiền **24.000.000 đồng**.

*Đối với bị cáo Phùng Đức D: D đã 01 lần thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 19/3/2023 với số tiền **13.650.000 đồng**.*

*Đối với bị cáo Lý Phủ K: K đã 01 lần thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 11/02/2023 với số tiền **13.160.000 đồng**.*

*Đối với bị cáo Tao Văn T: T đã 01 lần thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 16/3/2023 với số tiền **6.750.000 đồng**.*

*Đối với bị cáo Nguyễn Xuân B: B đã 01 lần thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 18/3/2023 với số tiền **5.960.000 đồng**.*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Các bị cáo ý thức được hành vi của mình là trái quy định của Nhà nước nhưng vì hám lời nên đã thúc đẩy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn C, Trần Thị S, Phí Văn C, Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H, Vũ Công Ch, Nguyễn Duy H đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo: Lý A S, Phạm Cát L, Lê Đăng S, Nguyễn Quốc V, Phùng Đức D, Lý Phủ K, Tao Văn T, Nguyễn Xuân B đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn C là những người giữ vai trò cao hơn các bị cáo khác trong việc đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề trái quy định của Nhà nước; tiếp đến là các bị cáo Trần Thị S, Phí Văn C, Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H, Vũ Công Ch và Nguyễn Duy H là những người nhiều lần thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán lô, đề trái quy định Nhà nước, trong đó bị cáo H 01 lần thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức cá độ bóng đá với bị cáo L; Bị cáo Lý A S và Phạm Cát L 02 lần thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán lô, đề trái quy định Nhà nước, trong đó bị cáo L 01 lần thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức cá độ bóng đá với bị cáo H; Các bị cáo Lê Đăng S, Nguyễn Quốc V, Phùng Đức D, Lý Phủ K, Tao Văn T và Nguyễn Xuân B là những người 01 lần thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua lô, đề trái quy định Nhà nước. Vì vậy, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lê Văn L, Vũ Hữu H, Vũ Công Ch, Lý A S là người có nhân thân xấu, cụ thể: Bị cáo L: Ngày 11/5/2016 và ngày 14/8/2020 bị cáo bị Công an huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, hiện đã được xóa tiền sự; Bị cáo H: Ngày 08/9/2017 bị cáo bị Toà án nhân dân huyện Sìn Hồ phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, hiện đã được xóa án tích; Bị cáo Ch: Ngày 13/5/2005 bị cáo bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06

tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện đã được xoá án tích; Bị cáo Lý A S: Ngày 09/01/2009 bị cáo bị Toà án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” và ngày 29/6/2016 bị cáo bị Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu phạt 8.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, hiện đã được xoá án tích. Các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn C, Trần Thị S, Phí Văn C, Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H, Vũ Công Ch, Nguyễn Duy H, Lý A S, Phạm Cát L phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lê Đăng S, Nguyễn Quốc V, Phùng Đức D, Lý Phủ K, Tao Văn T và Nguyễn Xuân B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn C, Trần Thị S, Phí Văn C, Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H, Vũ Công Ch, Nguyễn Duy H, Lý A S, Phạm Cát L, Lê Đăng S, Nguyễn Quốc V, Phùng Đức D, Lý Phủ K, Tao Văn T, Nguyễn Xuân B đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Văn L đã tác động gia đình nộp 10.000.000 đồng là tiền dùng đánh bạc và do đánh bạc mà có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu và bị cáo có bố vợ là ông Đào Hạnh P được tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang nên bị cáo L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Hà Văn C đã tác động gia đình nộp 5.000.000 đồng là tiền dùng đánh bạc và do đánh bạc mà có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu và trong thời gian công tác tại Điện lực S nhiều năm đạt danh hiệu lao động tiên tiến, bị cáo có bà ngoại là Lê Thị T là bà mẹ Việt Nam anh hùng, ông nội và hai bác là liệt sĩ nên bị cáo C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Thị S đã tác động gia đình nộp 50.000.000 đồng là tiền do đánh bạc mà có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu nên bị cáo S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phí Văn C được Tổng thanh tra chính phủ tặng Bằng khen năm 2018, 2020 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tặng Bằng khen năm 2021; bị cáo đã tác động gia đình nộp 5.000.000 đồng là tiền do đánh bạc mà có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, bị cáo có bố đẻ là ông Phí Hương D là thương binh và được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, mẹ đẻ là Phí Thị L được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba nên bị cáo C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H đã tác động gia đình nộp mỗi bị cáo 5.000.000 đồng là tiền dùng đánh bạc và do đánh bạc mà có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu nên các bị cáo T, H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Vũ Công Ch, ngày 19/3/2023 thông qua việc giải quyết vụ án “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, qua tài liệu, chứng cứ thu

được và bị cáo cung cấp, Cơ quan điều tra có căn cứ điều tra, xác minh mở rộng vụ án đánh bạc này; bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tặng Bằng khen năm 2020; bị cáo có ông nội là ông Vũ Ngọc T là liệt sĩ và bị cáo đã tác động gia đình nộp 5.000.000 đồng là tiền dùng đánh bạc và do đánh bạc mà có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu nên bị cáo Ch được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Duy H, quá trình điều tra bị cáo đã giúp đỡ Cơ quan điều tra cung cấp nhiều thông tin có giá trị liên quan đến vụ án khác xảy ra trên địa bàn và qua đó đã khởi tố, điều tra vụ án nên Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lai Châu có Công văn số 713/CV-CSHS ngày 11/12/2023 đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tặng Bằng khen năm 2009, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tặng Bằng khen năm 2019; bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Duy H được tặng nhiều Huân chương và Bằng khen, vợ bị cáo là Phạm Kim N được Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam tặng Bằng khen và bị cáo đã tác động gia đình nộp 5.000.000 đồng là tiền do đánh bạc mà có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu nên bị cáo H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phạm Cát L được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tặng Bằng khen năm 2016; bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình và bị cáo đã nộp lại số tiền 30.800.000 đồng là tiền do đánh bạc mà có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu nên bị cáo L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Đăng S được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang năm 2020; bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình và bị cáo đã nộp 13.770.000 đồng là tiền do đánh bạc mà có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu nên bị cáo S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Quốc V được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tặng Bằng khen năm 2008, 2015, 2019, 2021, Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Lai Châu tặng Bằng khen năm 2018; bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình và bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Văn P được tặng Huy chương kháng chiến nên bị cáo V được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lý A S, Tao Văn T, Lý Phú K là người dân tộc thiểu số; bị cáo Lý Phú K đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình và bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu tặng nhiều Giấy khen nên các bị cáo S, T, K được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phùng Đức D có bố vợ là ông Nguyễn Văn Q được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương nên bị cáo D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Xuân B đã tác động gia đình nộp 1.000.000 đồng là tiền do đánh bạc mà có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, bị cáo có bồ đề là ông Nguyễn Xuân T là thương binh và được tặng Huân chương, mẹ đẻ là bà Hà Thị T được tặng Bằng khen kháng chiến nên bị cáo B được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Lê Đăng S, Nguyễn Quốc V, Phùng Đức D, Lý Phú K, Tao Văn T, Nguyễn Xuân B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo S, V, D, K, T, B được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này các bị cáo Lê Văn L và Hà Văn C có vai trò tích cực hơn các bị cáo khác, ngoài ra bị cáo L là người có nhân thân xấu nên cần có mức hình phạt tù đối với bị cáo L cao hơn bị cáo C. Tiếp đến là các bị cáo Trần Thị S, Phí Văn C, Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H cần có mức hình phạt tù khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo. Đối với các bị cáo Vũ Công Ch, Nguyễn Duy H có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có thể cho các bị cáo Ch, H được hưởng mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để các bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước ta mà cố gắng cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Đối với bị cáo Lý A S, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo đã 01 lần bị xử phạt tiền về tội “Đánh bạc” mà bị cáo không lấy đó làm bài học nên cần xử phạt tù đối với bị cáo để bị cáo cố gắng cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo Phạm Cát L có nhân thân tốt nên xét thấy chưa cần thiết phải xử phạt tù, các bị cáo Lê Đăng S, Nguyễn Quốc V, Phùng Đức D, Lý Phú K, Tao Văn T, Nguyễn Xuân B có vai trò thứ yếu hơn, do đó cần tạo điều kiện cho các bị cáo L, S, V, D, K, T, B có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, có thể cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất của khung hình phạt là phạt tiền để các bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước ta mà cố gắng cải tạo mình thành công dân có ích cho xã hội.

Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Hà Văn C về việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự vì không có căn cứ, do đó không đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để cho bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[4] Về vật chứng của vụ án: 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi Note 9 Pro màu xanh kèm theo sim là của bị cáo Lê Văn L; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10+ là của bị cáo Hà Văn C; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime vỏ màu vàng hồng kèm theo sim là của bị cáo Trần Thị S; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10+ màu xám đen kèm theo sim là của bị cáo Phí Văn C; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 mini vỏ màu xanh kèm theo sim là của bị cáo

Nguyễn Trung T; 01 điện thoại nhãn hiệu SAM SUNG Galaxy S21+5G vỏ màu đen kèm theo sim và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone SE màu vàng, trắng kèm theo sim là của bị cáo Vũ Hữu H; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG loại Galaxy S22 Ultra kèm theo sim là của bị cáo Vũ Công Ch; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 pro max màu xanh kèm theo sim là của bị cáo Nguyễn Duy H; 01 điện thoại Sam Sung GALAXY A31 màu xanh kèm theo sim là của bị cáo Lý A S; 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A51 màu xanh kèm theo sim là của bị cáo Phùng Đức D; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F11 màu đen kèm theo sim là của bị cáo Lý Phú K; 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max kèm theo sim là của bị cáo Tao Văn T; 01 điện thoại Galaxy S10 kèm theo sim là của bị cáo Nguyễn Xuân B. Kết quả điều tra xác định, các điện thoại trên là công cụ, phương tiện dùng để đánh bạc nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A93 màu nâu kèm theo sim thu giữ của bị cáo Lê Đăng S. Kết quả điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo S theo Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với tiền dùng vào đánh bạc, tiền do đánh bạc mà có của các bị cáo cần truy thu sung quỹ Nhà nước theo điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, cụ thể: Lê Văn L là 333.985.500 đồng, xác nhận đã nộp 10.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 323.985.500 đồng; Hà Văn C là 339.476.500 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 334.476.500 đồng; Trần Thị S là 283.233.000 đồng, xác nhận đã nộp 50.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 233.233.000 đồng; Phí Văn C là 168.000.000 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 163.000.000 đồng; Nguyễn Trung T là 237.309.000 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 232.309.000 đồng; Vũ Hữu H là 70.180.000 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 65.180.000 đồng; Vũ Công Ch là 56.000.000 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 51.000.000 đồng; Nguyễn Duy H là 40.000.000 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 35.000.000 đồng; Lý A S là 8.800.000 đồng; Phạm Cát L là 30.800.000 đồng, xác nhận đã nộp đủ; Lê Đăng S là 21.982.000 đồng, xác nhận đã nộp 13.770.000 đồng, còn lại phải thi hành là 8.212.000 đồng; Phùng Đức D là 13.650.000 đồng; Lý Phú K là 1.160.000 đồng; Nguyễn Xuân B là 3.200.000 đồng, xác nhận đã nộp 1.000.000 đồng, còn lại phải thi hành là 2.200.000 đồng.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét thấy, cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn C với mức phạt 40.000.000 đồng. Các bị cáo Trần Thị S, Phí Văn C, Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H với mức phạt 30.000.000 đồng. Các bị cáo Vũ Công Ch, Nguyễn Duy H với mức phạt 20.000.000 đồng. Bị cáo Lý A S với mức

phạt 10.000.000 đồng. Đối với các bị cáo Phạm Cát L, Lê Đăng S, Nguyễn Quốc V, Phùng Đức D, Lý Phú K, Tao Văn T, Nguyễn Xuân B xét thấy các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn C, Trần Thị S, Phí Văn C, Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H, Vũ Công Ch, Nguyễn Duy H; Căn cứ thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phí Văn C; Căn cứ thêm điểm t, v khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Công Ch, Nguyễn Duy H;

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lý A S;

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Cát L;

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Đăng S, Nguyễn Quốc V, Phùng Đức D, Lý Phú K, Tao Văn T, Nguyễn Xuân B; Căn cứ thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Đăng S, Nguyễn Quốc V; Căn cứ thêm khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo Phùng Đức D, Nguyễn Xuân B;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn C, Trần Thị S, Phí Văn C, Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H, Vũ Công Ch, Nguyễn Duy H, Lý A S, Phạm Cát L, Lê Đăng S, Nguyễn Quốc V, Phùng Đức D, Lý Phú K, Tao Văn T, Nguyễn Xuân B:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn C, Trần Thị S, Phí Văn C, Nguyễn Trung T, Vũ Hữu H, Vũ Công Ch, Nguyễn Duy H, Lý A S, Phạm Cát L, Lê Đăng S, Nguyễn Quốc V, Phùng Đức D, Lý Phú K, Tao Văn T, Nguyễn Xuân B phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lê Văn L 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Hà Văn C 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023.

2.3. Xử phạt bị cáo Trần Thị S 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2023.

2.4. Xử phạt bị cáo Phí Văn C 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023.

2.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023.

2.6. Xử phạt bị cáo Vũ Hữu H 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023.

2.7. Xử phạt bị cáo Vũ Công Ch 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023.

2.8. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023.

2.9. Xử phạt bị cáo Lý A S 06 tháng tù, trừ thời hạn đã bị tạm giữ là 09 ngày, thời hạn tù còn lại là 05 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

2.10. Xử phạt bị cáo Phạm Cát L 70.000.000 đồng.

2.11. Xử phạt bị cáo Lê Đăng S 50.000.000 đồng.

2.12. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V 50.000.000 đồng.

2.13. Xử phạt bị cáo Phùng Đức D 40.000.000 đồng. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phùng Đức D nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2.14. Xử phạt bị cáo Lý Phú K 40.000.000 đồng.

2.15. Xử phạt bị cáo Tao Văn T 30.000.000 đồng.

2.16. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân B 30.000.000 đồng. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Xuân B nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về hình phạt bổ sung:

3.1. Phạt bị cáo Lê Văn L 40.000.000 đồng.

3.2. Phạt bị cáo Hà Văn C 40.000.000 đồng.

3.3. Phạt bị cáo Trần Thị S 30.000.000 đồng.

3.4. Phạt bị cáo Phí Văn C 30.000.000 đồng.

3.5. Phạt bị cáo Nguyễn Trung T 30.000.000 đồng.

3.6. Phạt bị cáo Vũ Hữu H 30.000.000 đồng.

3.7. Phạt bị cáo Vũ Công Ch 20.000.000 đồng.

3.8. Phạt bị cáo Nguyễn Duy H 20.000.000 đồng.

3.9. Phạt bị cáo Lý A S 10.000.000 đồng.

4. Về vật chứng của vụ án:

4.1. Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi Note 9 Pro màu xanh kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10+; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime vỏ màu vàng hồng kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10 + màu xám đen kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 mini vỏ màu xanh kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu SAM SUNG Galaxy S21+5G vỏ màu đen kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone SE màu vàng, trắng kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG loại Galaxy S22 Ultra kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 pro max màu xanh kèm theo sim; 01 điện thoại Sam Sung GALAXY A31 màu xanh kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A51 màu xanh kèm theo sim; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F11 màu đen kèm theo sim; 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max kèm theo sim; 01 điện thoại Galaxy S10 kèm theo sim.

4.2. Trả lại cho bị cáo Lê Đăng S: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A93 màu nâu kèm theo sim.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 24/11/2023 giữa Công an tỉnh Lai Châu và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu).

4.3. Truy thu sung quỹ Nhà nước của các bị cáo, cụ thể:

- Lê Văn L là 333.985.500 đồng, xác nhận đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai số 0001680 ngày 16/8/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại phải thi hành là 323.985.500 đồng.

- Hà Văn C là 339.476.500 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai số 0001672 ngày 11/8/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại phải thi hành là 334.476.500 đồng.

- Trần Thị S là 283.233.000 đồng, xác nhận đã nộp 50.000.000 đồng theo biên lai số 0001712 ngày 30/8/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại phải thi hành là 233.233.000 đồng.

- Phí Văn C là 168.000.000 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai số 0001676 ngày 11/8/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại phải thi hành là 163.000.000 đồng.

- Nguyễn Trung T là 237.309.000 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai số 0001681 ngày 18/8/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại phải thi hành là 232.309.000 đồng.

- Vũ Hữu H là 70.180.000 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai số 0001673 ngày 11/8/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại phải thi hành là 65.180.000 đồng.

- Vũ Công Ch là 56.000.000 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai số 0001674 ngày 11/8/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại phải thi hành là 51.000.000 đồng.

- Nguyễn Duy H là 40.000.000 đồng, xác nhận đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai số 0001675 ngày 11/8/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại phải thi hành là 35.000.000 đồng.

- Lý A S là 8.800.000 đồng.

- Phạm Cát L là 30.800.000 đồng, xác nhận đã nộp đủ 30.800.000 đồng theo biên lai số 0001709 ngày 02/8/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

- Lê Đăng S là 21.982.000 đồng, xác nhận đã nộp 13.770.000 đồng theo biên lai số 0001707 ngày 26/7/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại phải thi hành là 8.212.000 đồng.

- Phùng Đức D là 13.650.000 đồng.

- Lý Phử K là 1.160.000 đồng.

- Nguyễn Xuân B là 3.200.000 đồng, xác nhận đã nộp 1.000.000 đồng theo biên lai số 0001677 ngày 11/8/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại phải thi hành là 2.200.000 đồng.

5. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương